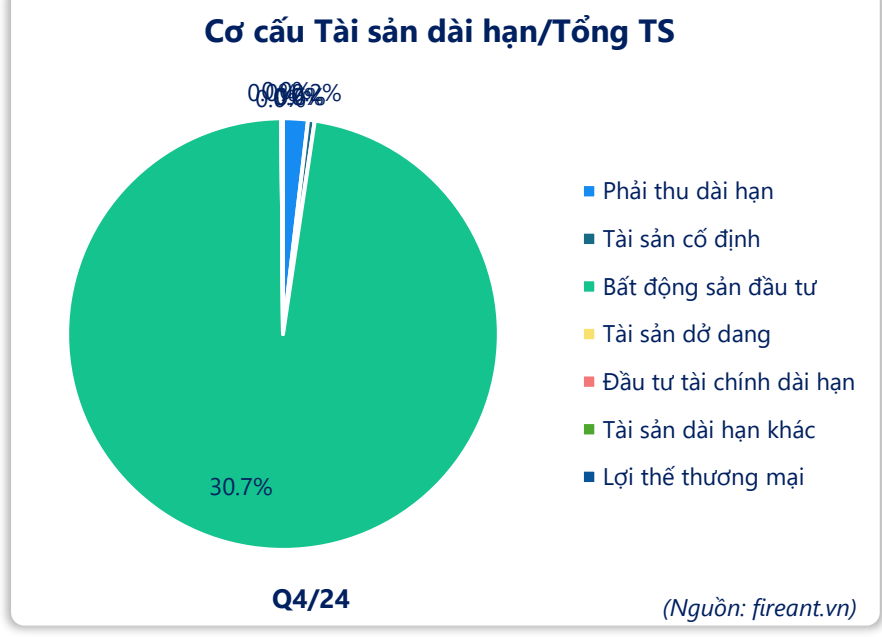
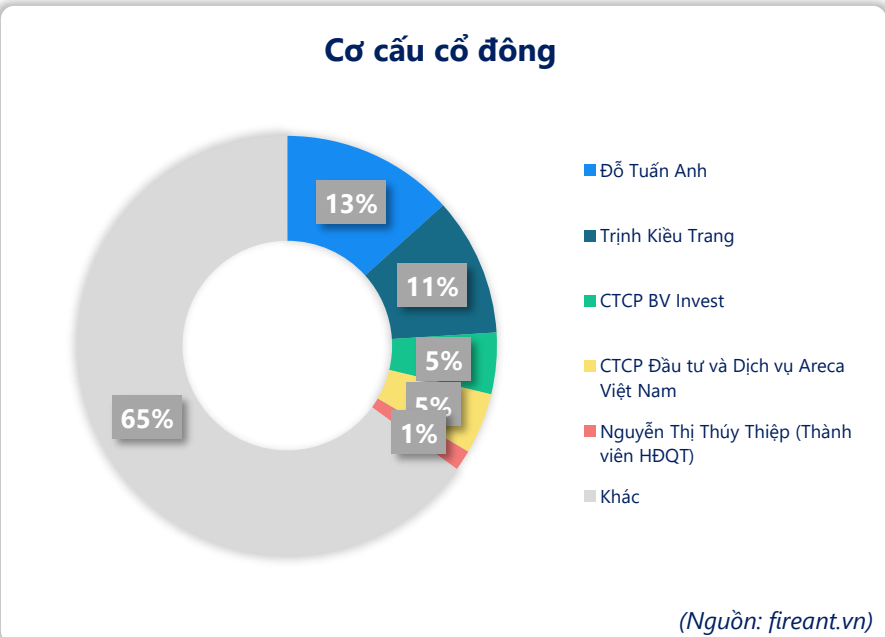
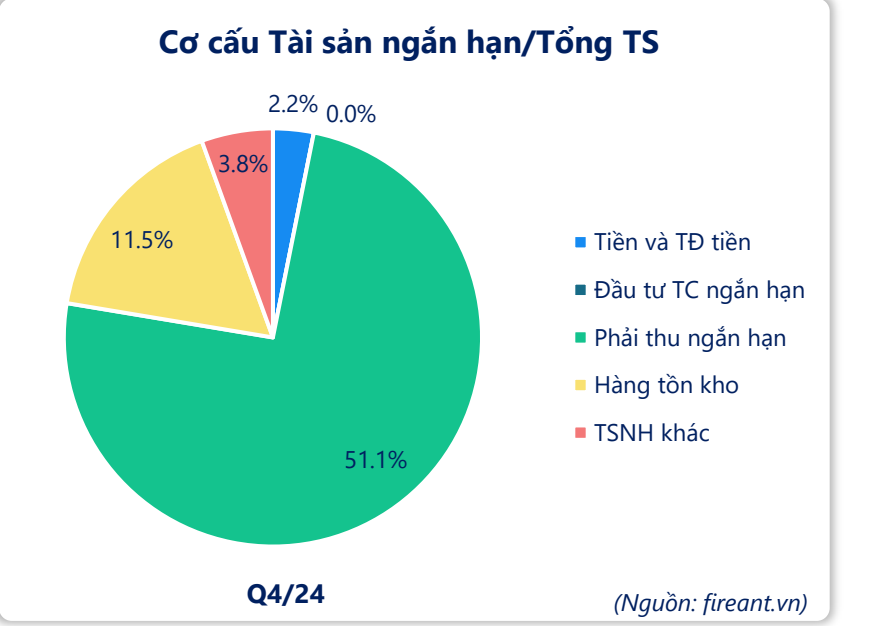
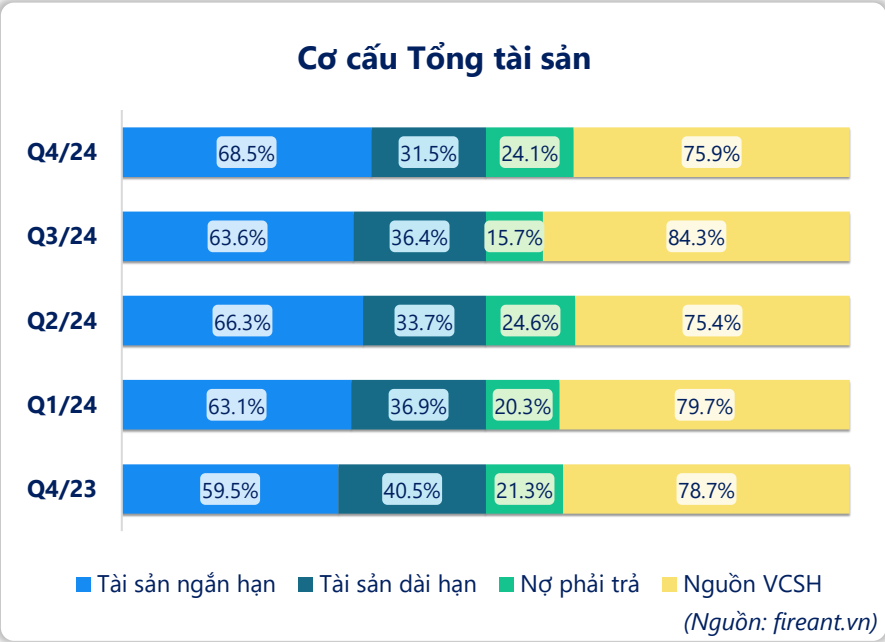
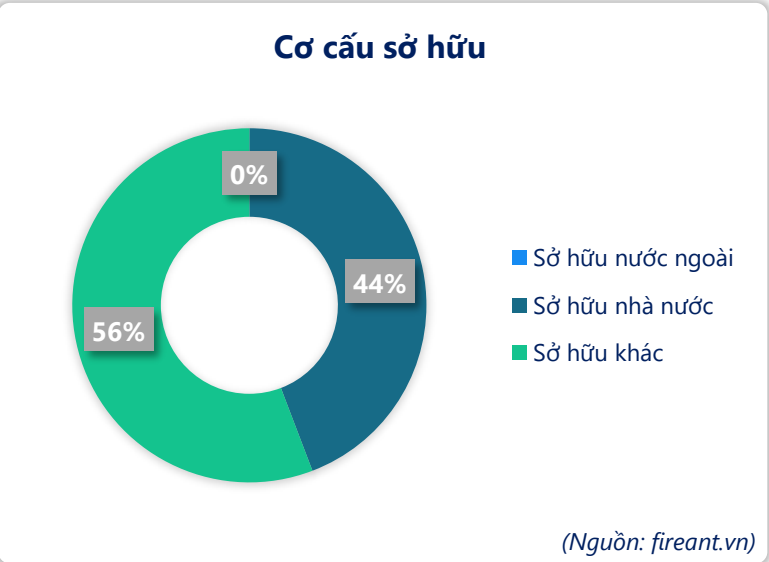
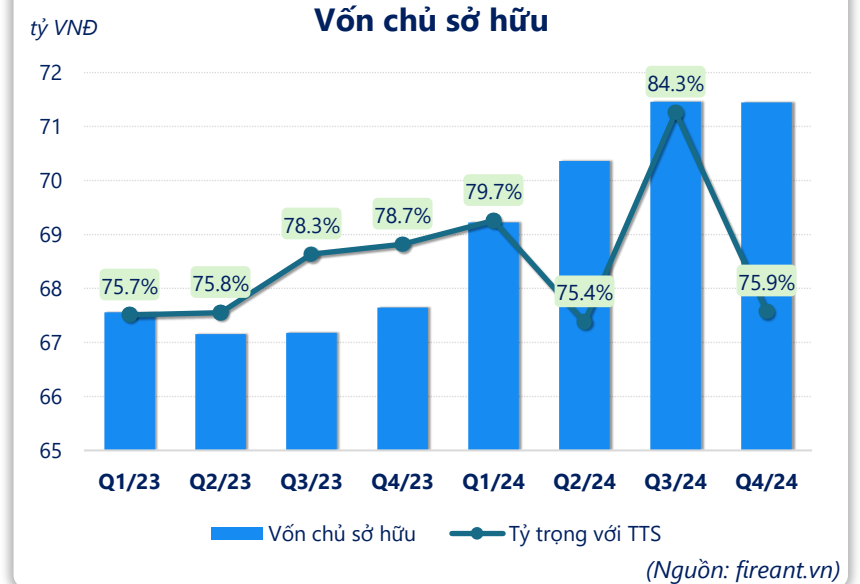
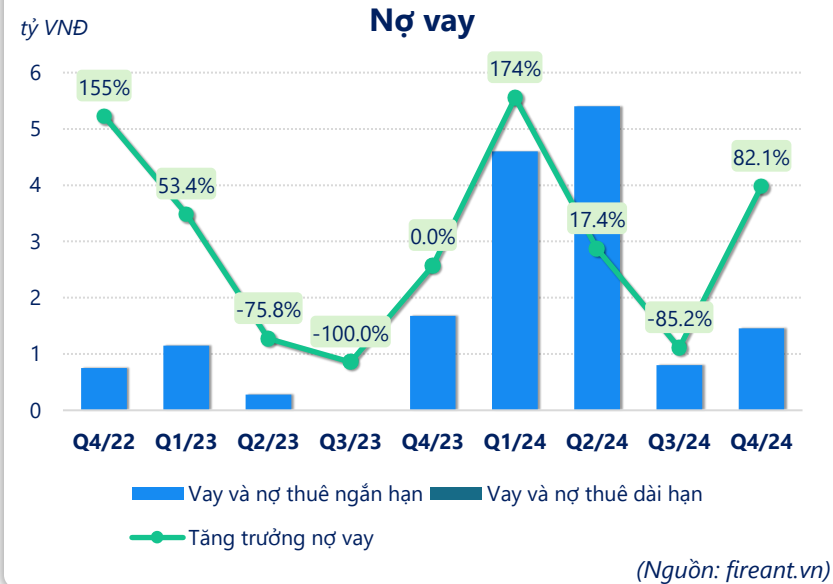
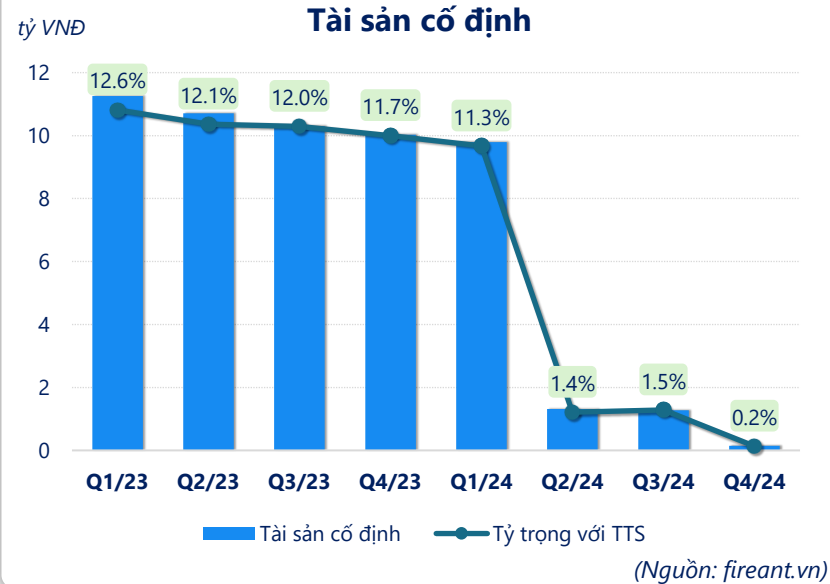
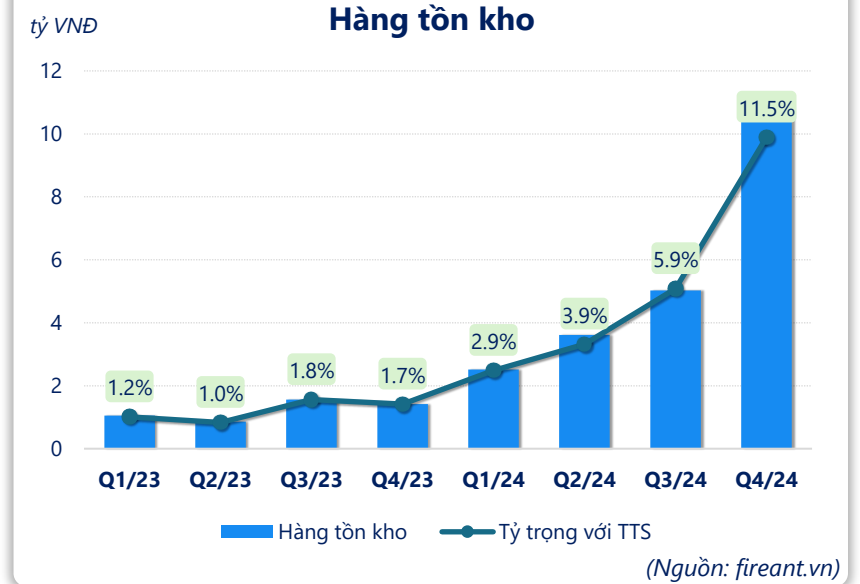
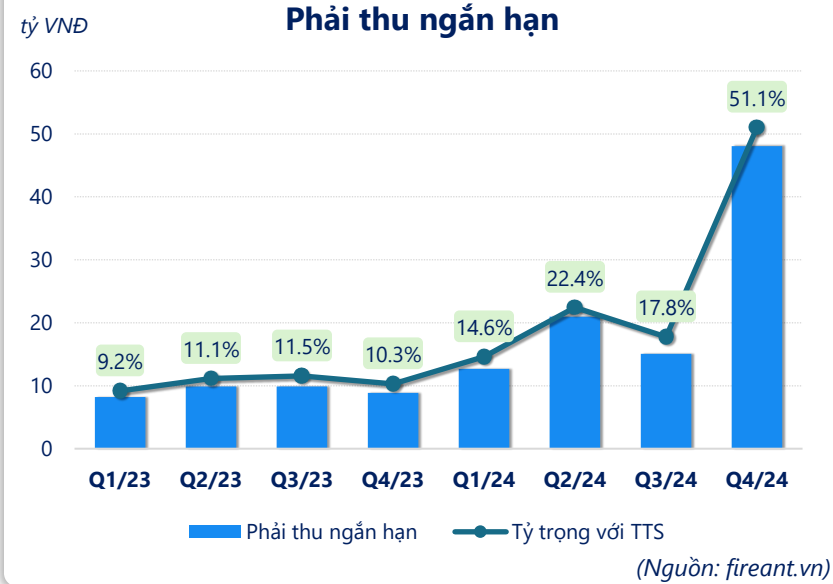
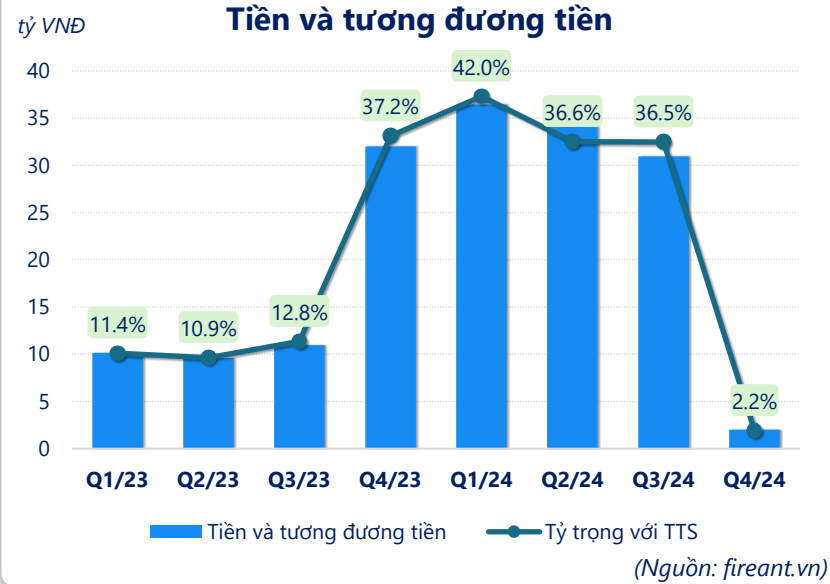
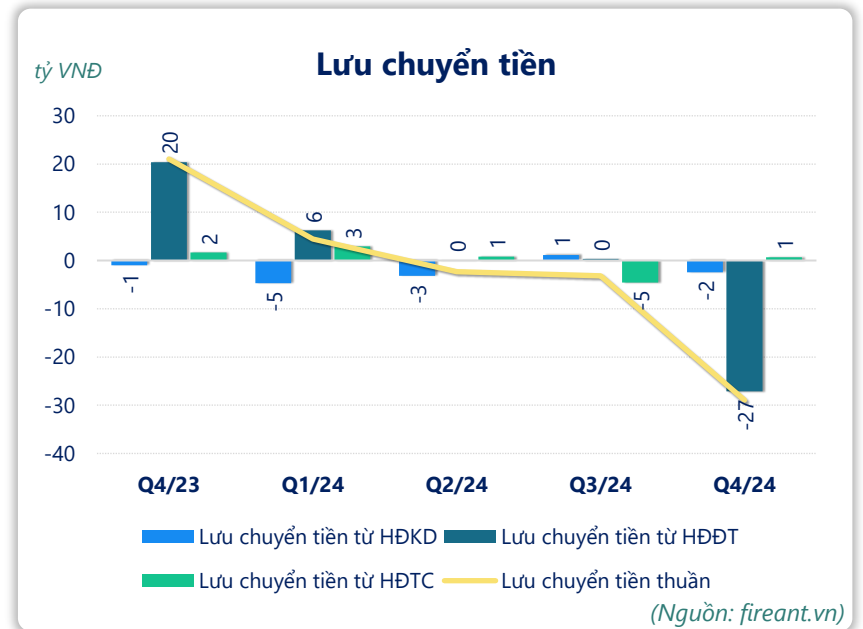
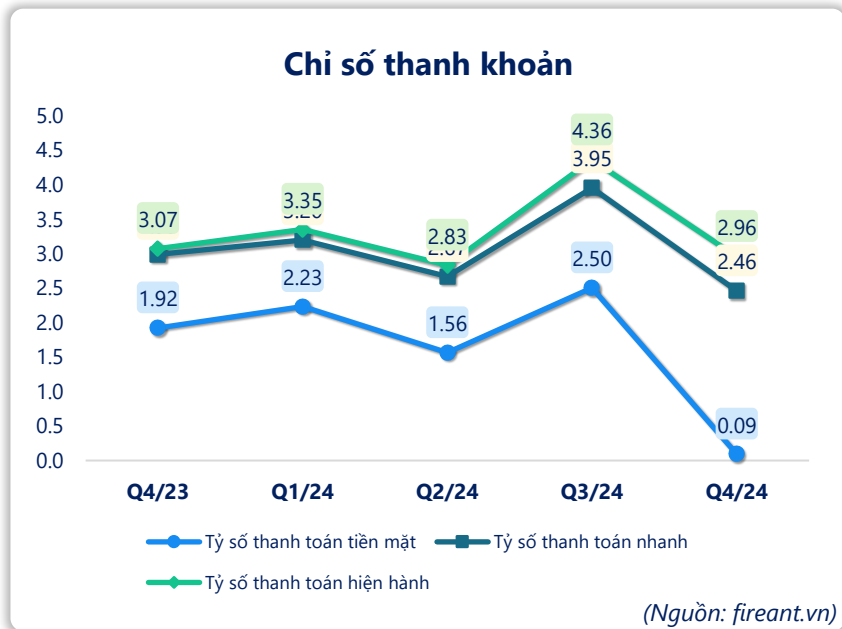
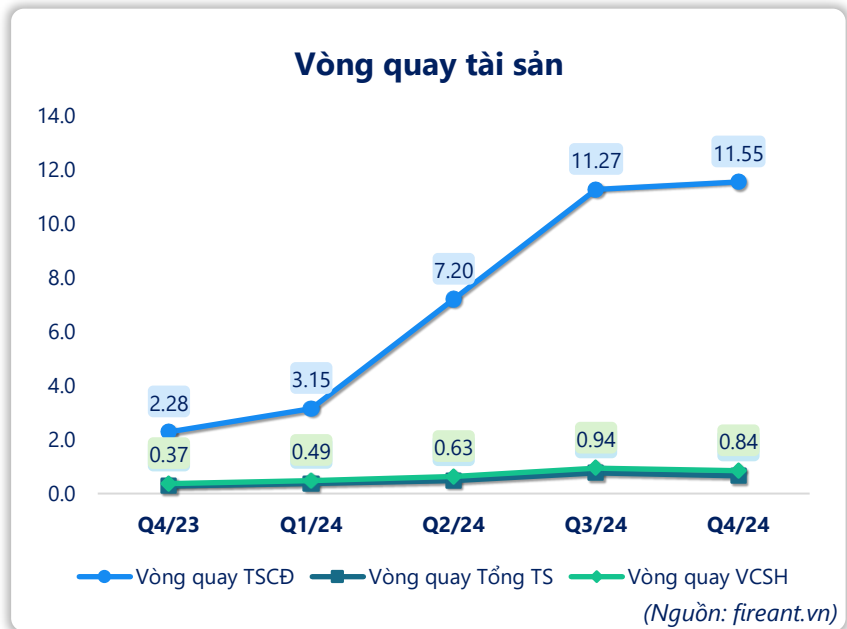
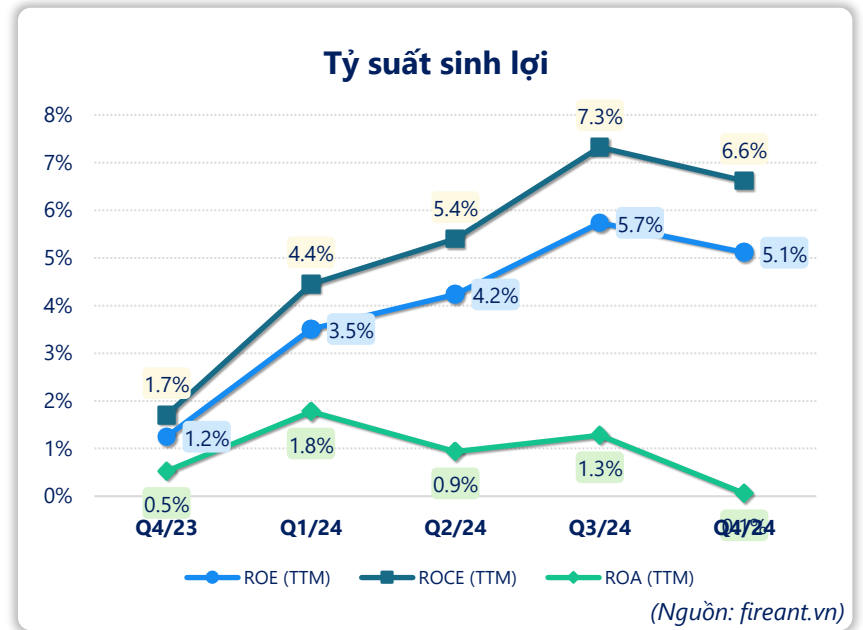
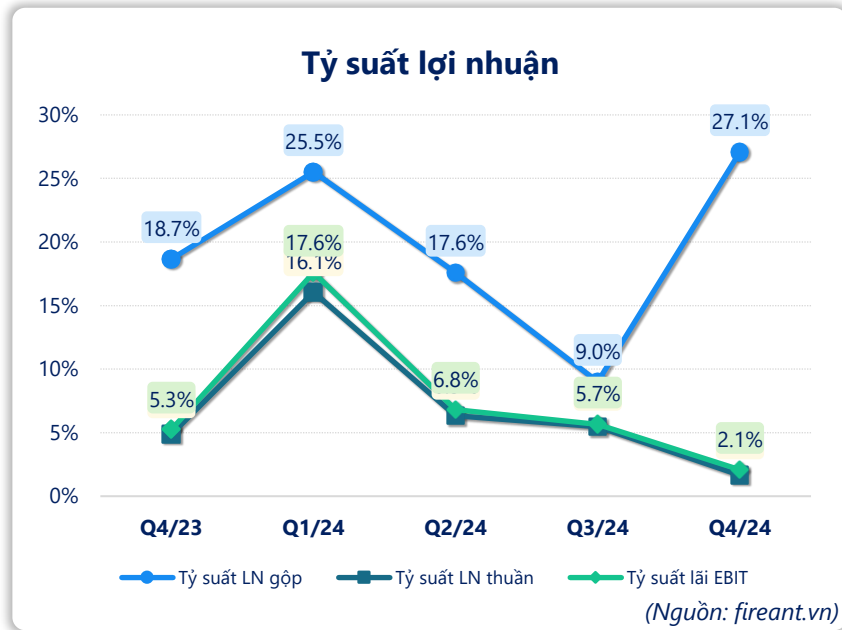
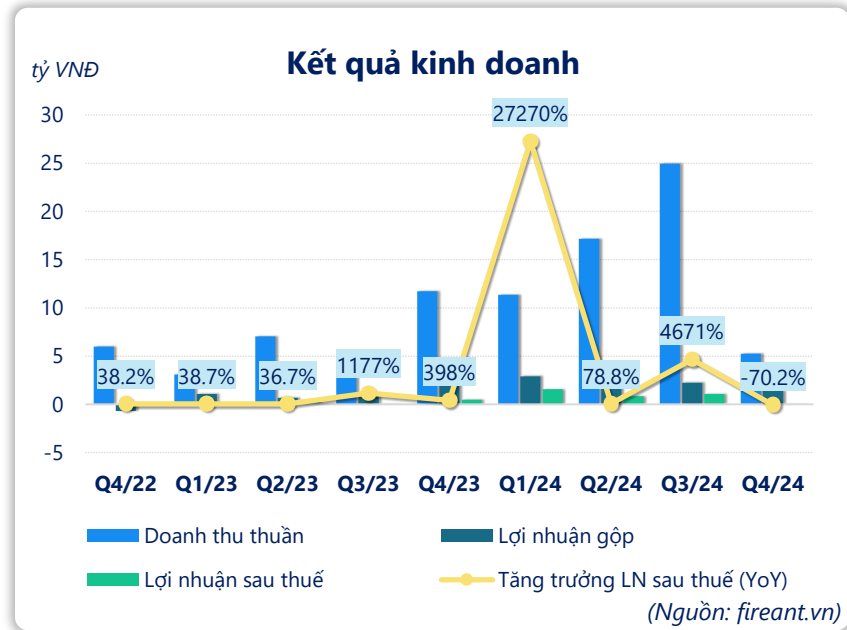


Thông tin giao dịch		31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		8,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		12,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		5,600
SL cổ phiếu LH		6,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		860
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		49
P/E		13.8
EPS		592

	YTD	1T	3T	6T
VCM		-3.5%	17.1%	23.3%
VNINDEX		2.1%	-0.2%	-1.3%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	94.1	86.0	9.5%
Tài sản ngắn hạn	64.5	53.3	21.1%
Tiền và tương đương tiền	2.03	32.0	-93.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	6.00	-100%
Phải thu ngắn hạn	48.1	11.0	338%
Hàng tồn kho	10.9	1.42	666%
Tài sản ngắn hạn khác	3.57	2.90	23.0%
Tài sản dài hạn	29.6	32.7	-9.5%
Phải thu dài hạn	0.55	0.55	0.0%
Tài sản cố định	0.15	10.0	-98.5%
Bất động sản đầu tư	28.9	20.6	39.9%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0.95	-100%
Tài sản dài hạn khác	0.04	0.55	-93.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	22.7	18.3	23.7%
Nợ ngắn hạn	21.8	16.7	30.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1.46	1.68	-13.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	8.58	4.60	86.4%
Nợ dài hạn	0.87	1.63	-46.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	71.4	67.7	5.6%
Vốn chủ sở hữu	71.4	67.7	5.6%
Vốn điều lệ	60.0	30.0	100%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Doanh thu thuần	11.7	11.4	17.1	25.0	5.24
Giá vốn hàng bán	9.53	8.46	14.1	22.7	3.82
Lợi nhuận gộp	2.19	2.90	3.02	2.25	1.42
Doanh thu HĐTC	0.46	0.24	0.14	0.39	0.50
Chi phí TC	0.02	0.11	0.09	0.04	-0.03
Chi phí lãi vay	0.02	0.05	0.09	0.04	0.02
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.39	0.25	0.40	0.28	0.43
Chi phí QLDN	1.66	0.95	1.58	0.94	1.43
LN thuần từ HĐKD	0.57	1.82	1.09	1.36	0.09
Lợi nhuận khác	0.02	0.13	-0.01	0.00	0.00
LN trước thuế	0.59	1.95	1.07	1.37	0.09
Lợi nhuận sau thuế	0.47	1.56	0.85	1.09	0.05
LNST của CĐ cty mẹ	0.47	1.56	0.85	1.09	0.05

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-1.02	-4.73	-3.21	1.12	-2.46
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	20.4	6.24	0.09	0.32	-27.1
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	1.68	2.92	0.80	-4.60	0.66
Tiền đầu kỳ	11.0	32.0	36.4	34.1	31.0
Lưu chuyển tiền thuần	21.0	4.44	-2.32	-3.16	-28.9
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0.00	0	0.00
Tiền cuối kỳ	32.0	36.4	34.1	31.0	2.03

(Nguồn: fireant.vn)